

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI****HÌNH THỨC THI:.....Trắc nghiệm online.....****HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022****Thời gian: Từ 17/01 đến 23/01/2022****Môn học:....An toàn điện và môi trường công nghiệp.....****Nhóm: ...02.....****Ngày thi: .....17/01/2022.....****Giờ thi:.....14:45.....****Phòng thi: ...ON40...****Giảng viên giảng dạy: : .....Trần Trung Thuận.....**

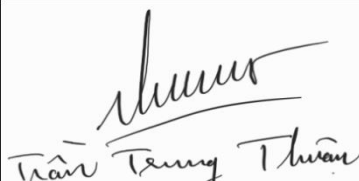
| MaMH   | Stt | MaSV       | HoLotSV           | TenSV  | NgaySinhC  | MaLop    | Điểm<br>QT<br>40% | Điểm<br>thi<br>60% | Điểm<br>HP | Ghi<br>chú |
|--------|-----|------------|-------------------|--------|------------|----------|-------------------|--------------------|------------|------------|
| 228090 | 1   | 2121050001 | Phạm Quốc         | Anh    | 03/02/2003 | CCQ2105A | 5.8               | 5.6                | 5.7        |            |
| 228090 | 2   | 2121050077 | Bùi Xuân          | Chiến  | 25/09/2003 | CCQ2105A | 4.0               | 9.0                | 7.0        |            |
| 228090 | 3   | 2121050027 | Đoàn Huỳnh Hữu    | Chương | 29/03/2003 | CCQ2105A | 5.4               | 9.2                | 7.7        |            |
| 228090 | 4   | 2119050073 | Nguyễn Duy        | Cường  | 12/10/2001 | CCQ1905C |                   |                    |            | Vắng       |
| 228090 | 5   | 2121050002 | Nguyễn Thành      | Đạt    | 25/06/2003 | CCQ2105A | 6.0               | 6.0                | 6.0        |            |
| 228090 | 6   | 2121050031 | Nguyễn Văn Thành  | Đạt    | 17/07/2003 | CCQ2105A | 6.6               | 8.2                | 7.6        |            |
| 228090 | 7   | 2121050003 | Nguyễn Phan Thành | Đức    | 09/03/2003 | CCQ2105A | 6.4               | 9.6                | 8.3        |            |
| 228090 | 8   | 2121050004 | Lâm Thanh         | Hiền   | 21/09/2003 | CCQ2105A | 7.0               | 6.8                | 6.9        |            |
| 228090 | 9   | 2119050042 | Lê Khắc           | Hoan   | 10/03/2001 | CCQ1905B | 5.2               | 9.4                | 7.7        |            |
| 228090 | 10  | 2121050019 | Võ Ngọc           | Huy    | 06/02/2003 | CCQ2105A | 6.4               | 6.8                | 6.6        |            |
| 228090 | 11  | 2121050025 | Nguyễn Hải        | Hung   | 15/07/2003 | CCQ2105A | 2.6               | 6.4                | 4.9        |            |
| 228090 | 12  | 2121050013 | Nguyễn Ngọc       | Kha    | 21/11/2003 | CCQ2105A | 7.0               | 9.6                | 8.6        |            |
| 228090 | 13  | 2121050034 | Nguyễn Việt       | Khang  | 23/09/2003 | CCQ2105A | 5.8               | 9.2                | 7.8        |            |
| 228090 | 14  | 2121050022 | Lâm Tuấn          | Kiệt   | 14/08/2002 | CCQ2105A | 5.8               | 7.6                | 6.9        |            |
| 228090 | 15  | 2120050130 | Đào Trần Ngọc     | Lâm    | 20/11/2001 | CCQ2005B | 6.8               | 9.0                | 8.1        |            |
| 228090 | 16  | 2119060015 | Thái Thanh        | Liêm   | 10/03/1999 | CCQ1906A |                   |                    |            | Vắng       |
| 228090 | 17  | 2121050005 | Phan Phi          | Long   | 29/10/2000 | CCQ2105A | 8.4               | 9.2                | 8.9        |            |
| 228090 | 18  | 2121050006 | Trần Văn          | Luân   | 03/11/2003 | CCQ2105A | 8.8               | 9.0                | 8.9        |            |
| 228090 | 19  | 2120240108 | Hồ Lê Hoàng       | Nam    | 13/09/2002 | CCQ2005D | 5.4               | 9.8                | 8.0        |            |
| 228090 | 20  | 2121050030 | Hồ Ngọc           | Nguyên | 25/09/2003 | CCQ2105A | 9.6               | 9.6                | 9.6        |            |
| 228090 | 21  | 2121050018 | Hoàng Quốc        | Nhật   | 11/09/2003 | CCQ2105A | 6.0               | 9.8                | 8.3        |            |
| 228090 | 22  | 2121050007 | Trần Phương       | Nhật   | 07/07/2003 | CCQ2105A | 9.4               | 8.6                | 8.9        |            |
| 228090 | 23  | 2121050032 | Nguyễn            | Phát   | 14/03/2003 | CCQ2105A | 8.0               | 9.4                | 8.8        |            |
| 228090 | 24  | 2121050008 | Nguyễn Tấn        | Phát   | 19/09/2003 | CCQ2105A | 8.6               | 9.4                | 9.1        |            |
| 228090 | 25  | 2121050009 | Nguyễn Trung      | Phi    | 18/03/2003 | CCQ2105A | 6.2               | 9.6                | 8.2        |            |
| 228090 | 26  | 2121060026 | Nguyễn Xuân       | Phú    | 10/08/2003 | CCQ2106A | 6.2               | 8.8                | 7.8        |            |
| 228090 | 27  | 2121050021 | Trần Quang        | Phú    | 02/03/2002 | CCQ2105A | 8.6               | 10.0               | 9.4        |            |
| 228090 | 28  | 2121050010 | Đỗ Hoàng          | Phước  | 16/01/2003 | CCQ2105A | 6.2               | 8.6                | 7.6        |            |
| 228090 | 29  | 2120110125 | Huỳnh Văn         | Sáng   | 18/09/2000 | CCQ2005D | 4.8               | 9.4                | 7.6        |            |
| 228090 | 30  | 2121050011 | Phan Trần Trung   | Tâm    | 15/12/2003 | CCQ2105A | 9.2               | 9.2                | 9.2        |            |
| 228090 | 31  | 2121050012 | Nguyễn Công       | Thành  | 25/08/2003 | CCQ2105A | 5.8               | 6.8                | 6.4        |            |
| 228090 | 32  | 2121050033 | Nguyễn Đình       | Thao   | 24/05/2003 | CCQ2105A |                   |                    |            | Vắng       |
| 228090 | 33  | 2121060047 | Trần Ngọc         | Thắng  | 10/02/2001 | CCQ2106B | 0.0               | 5.8                | 3.5        |            |
| 228090 | 34  | 2121050028 | Nguyễn Sỹ         | Thiện  | 13/02/2002 | CCQ2105A | 9.4               | 9.4                | 9.4        |            |
| 228090 | 35  | 2121050026 | Phạm Minh         | Thông  | 03/10/2003 | CCQ2105A | 6.4               | 9.6                | 8.3        |            |
| 228090 | 36  | 2121050014 | Lê Minh           | Thuận  | 13/09/2003 | CCQ2105A | 5.6               | 9.6                | 8.0        |            |
| 228090 | 37  | 2121050015 | Nguyễn Minh       | Tiến   | 18/06/2003 | CCQ2105A | 9.2               | 9.6                | 9.4        |            |
| 228090 | 38  | 2121050075 | Lê Đông           | Triều  | 27/12/2003 | CCQ2105A | 6.2               | 10.0               | 8.5        |            |

**DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI****HÌNH THỨC THI:.....Trắc nghiệm online.....****HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022****Thời gian: Từ 17/01 đến 23/01/2022****Môn học:....An toàn điện và môi trường công nghiệp.....****Nhóm: ...02.....****Ngày thi: .....17/01/2022.....****Giờ thi:.....14:45.....****Phòng thi: ...ON40...****Giảng viên giảng dạy: . ....Trần Trung Thuận.....**

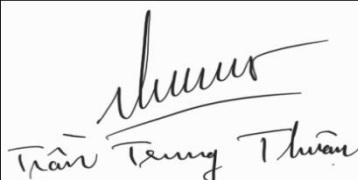
| MaMH   | Stt | MaSV       | HoLotSV      | TenSV | NgaySinhC  | MaLop    | Điểm QT<br>40% | Điểm thi<br>60% | Điểm HP | Ghi chú |
|--------|-----|------------|--------------|-------|------------|----------|----------------|-----------------|---------|---------|
| 228090 | 39  | 2121050016 | Trương Thanh | Triều | 06/10/2001 | CCQ2105A | 6.2            | 9.6             | 8.2     |         |
| 228090 | 40  | 2121050029 | Võ Thành     | Tuân  | 17/11/2003 | CCQ2105A | 7.8            | 7.0             | 7.3     |         |
| 228090 | 41  | 2121050073 | Nguyễn Minh  | Tuấn  | 01/06/2003 | CCQ2105A |                |                 |         | Vắng    |
| 228090 | 42  | 2121050020 | Phạm Minh    | Tuấn  | 16/10/2001 | CCQ2105A | 8.6            | 7.4             | 7.9     |         |
| 228090 | 43  | 2121050035 | Trần Văn     | Tuấn  | 03/07/2003 | CCQ2105A | 0.0            | 7.2             | 4.3     |         |
| 228090 | 44  | 2119050104 | Lưu Trọng    | Ty    | 21/05/2001 | CCQ1905C | 6.0            | 9.2             | 7.9     |         |
| 228090 | 45  | 2121050023 | Nguyễn Tấn   | Vĩ    | 31/03/2002 | CCQ2105A |                |                 |         | Vắng    |
| 228090 | 46  | 2121050017 | Lê Hồng      | Việt  | 27/09/2003 | CCQ2105A | 4.8            | 9.2             | 7.4     |         |
| 228090 | 47  | 2121050024 | Hồ Thanh     | Xuân  | 25/01/2003 | CCQ2105A | 9.0            | 9.6             | 9.4     |         |

**Số sinh viên có mặt: .....42.....****Số bài thi: .....42.....****Số sinh viên vắng mặt: .....05.....****Số tờ giấy thi: .....42.....**

**Ghi chú :** Thầy Cô vào điểm tổng kết môn học theo danh sách này. Sinh viên nào vắng, Thầy Cô để "Vắng" ở cột ghi chú. Thầy Cô gửi bảng điểm file excel về Khoa sau ngày thi 1 tuần.

**Cán bộ coi thi 1**


Trần Trung Thuận

**Cán bộ chấm thi 1**


Trần Trung Thuận

**Cán bộ coi thi 2**

**Nguyễn Văn Phước****Cán bộ chấm thi 2**

**Nguyễn Thị Hạnh**